

Chính sách phát triển kinh tế của Nhật Bản và khuyến nghị cho Việt Nam

Năm 2013, sau khi lên nắm quyền, Thủ tướng Shinzo Abe đã đưa các chính sách kinh tế (còn được gọi là Abenomics) nhằm chấn hưng nền kinh tế Nhật Bản. Ở thời điểm đó, phần đông người Nhật Bản cho rằng, cải cách Abenomics là một phương thuốc đặc trị và có sứ mệnh lịch sử vực dậy nền kinh tế Nhật Bản sau hai thập kỷ tăng trưởng trì trệ. Thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của Abenomics khi đã tạo ra những thay đổi tích cực trong đời sống kinh tế - xã hội, chính trị Nhật Bản. Bài viết tập trung phân tích nội dung của các chính sách kinh tế, những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản, qua đó đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

1. Bối cảnh ra đời của Abenomics

Sau cú sốc bong bóng bất động sản vào đầu những năm 1990, nền kinh tế Nhật Bản được đánh giá là chưa bao giờ thực sự phục hồi. Đến năm 2012, kinh tế của đất nước mặt trời mọc đã trải qua “hai thập kỷ mất mát”. Tăng trưởng kinh tế đạt thấp và có xu hướng giảm dần, từ 4,893% (năm 1990) xuống còn âm 0,115% (năm 2011) và chỉ đạt 1,495% (năm 2012). Chỉ số giá tiêu dùng

(CPI) luôn dao động quanh mốc 0%, trong đó năm 2011 ở mức âm 0,237%, năm 2012 ở mức âm 0,057. Đặc biệt nợ công của chính phủ tăng cao, từ 64,3% GDP (năm 1993) lên 222,087% (năm 2011) và đạt 229,008% (năm 2012). Tỷ lệ thất nghiệp trong suốt 20 năm có xu hướng tăng và ở mức cao, từ 2,1% (năm 1990) tăng lên 4,583% (năm 2011) và 4,235% (năm 2012).

Các thách thức từ nội tại nền kinh tế

Đến năm 2012, Nhật Bản đã trải qua 20 năm suy thoái sâu sắc, toàn diện và kéo dài, rất khó khăn và lúng túng trong việc tìm lối thoát. Nhiều cuộc cải cách của Chính phủ đều thất bại, dẫn đến mất niềm tin của người dân và doanh nghiệp vào sự phục hồi của nền kinh tế.

Nhật Bản duy trì mô hình “chính phủ lớn kiểu Nhật Bản” thực hiện nhất thể hóa các nhà chính trị, quan chức chính phủ và các doanh nghiệp. Tam giác quyền lực này trở thành lực cản của sự phát triển. Bên cạnh đó, sự già hóa dân số và gánh nặng phúc lợi xã hội cũng đặt ra nhiều khó khăn cho kinh tế - xã hội Nhật Bản. Với tỷ lệ sinh thấp và tuổi thọ cao, ngay từ những năm cuối thế kỷ XX, Nhật Bản đã là một trong những quốc gia có tỷ lệ người cao tuổi cao nhất thế giới. Chi phí phúc lợi xã hội tăng lên là mối đe dọa lớn đối với nợ của Chính phủ Nhật Bản, vốn đã ở mức gấp đôi quy mô nền kinh tế. Đồng thời, dân số giảm cũng làm cho nhu cầu tiêu dùng giảm, gây khó khăn cho những nỗ lực của Chính phủ nhằm thoát khỏi thời kỳ giảm phát. Ngoài ra, thảm họa động đất, sóng thần đã gây ra gánh nặng cho kinh tế. Nhiều cơ sở hạ tầng và nhà máy thuộc các ngành công nghiệp quan trọng như ô tô, hóa dầu, hạt nhân và chất bán dẫn tại khu vực Đông Bắc Nhật Bản đều bị phá hủy, hư hỏng hoặc bị tác động mạnh.

Các thách thức từ bên ngoài

Khủng hoảng kinh tế thế giới và sự giảm tốc của các nền kinh tế mới nổi cùng với các cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu làm cho thị trường thế giới bị thu thu hẹp, xói mòn những nguồn thu của Nhật Bản từ nước ngoài dẫn đến kinh tế tiếp tục trì trệ. Việc các quốc gia tại châu Á - Thái Bình Dương phải chuyển đổi mô hình phát triển thoát khỏi sự lệ thuộc vào xuất khẩu cũng làm cho tăng trưởng kinh tế ở khu vực này ở dưới mức tiềm tăng, nhu cầu hàng hóa và thiết bị từ Nhật Bản bị ảnh hưởng.

Sức ép cạnh tranh kinh tế ngày càng gay gắt trên cả ba cấp độ quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Các nền kinh tế mới nổi như NICs, ASEAN, nhất là Hàn Quốc và Trung Quốc, đã phát triển rất nhanh và nổi lên như những đối thủ cạnh tranh và thậm chí lấn át Nhật Bản trong nhiều lĩnh vực, tạo ra thách thức đối với những ngành, lĩnh vực truyền thống có thế mạnh của Nhật Bản. Trong khi đó, môi trường chính trị ở khu vực đã trở nên xấu đi. Tranh chấp vùng biển, lãnh thổ và khác biệt về nhận thức lịch sử đã dẫn đến cuộc biểu tình chống Nhật ở Trung Quốc và Hàn Quốc gây ra nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các thị trường truyền thống lớn này.

2. Nội dung của chính sách kinh tế Abenomics

Abenomics được đánh giá là một kế hoạch cải cách đầy tham vọng của Thủ tướng Shinzo Abe. Việc triển khai kế hoạch này có thể phân định thành hai giai đoạn, hay hai phiên bản: Phiên bản 1.0 (từ tháng 12/2012 đến tháng 10/2015) và phiên bản 2.0 (từ tháng 10/2015 trở đi).

[1] Phiên bản Abenomics 1.0 được ông Shinzo Abe đưa ra ngay từ sau khi tái đắc cử Thủ tướng (12/2012) với ba trọng tâm

gồm: chính sách nới lỏng tiền tệ; chính sách tài khóa linh hoạt và chiến lược cải cách cấu trúc nền kinh tế.

(1) *Chính sách tiền tệ nới lỏng*: Mục tiêu đầu tiên mà Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) đưa ra là lạm phát mục tiêu đạt 2% trong 2 năm. Một lượng lớn tiền được tung ra kể từ đầu mùa xuân 2013 (với mức cung tiền cơ bản tăng từ 130 nghìn tỷ JPY lên 270 nghìn tỷ JPY) nhằm thay đổi kỳ vọng của thị trường. Chính phủ thực hiện việc mua vào 70% lượng trái phiếu phát hành mỗi tháng, bằng 1% GNP. Ngoài ra, nhằm thúc đẩy đầu tư của các doanh nghiệp, Chính phủ tiến hành đánh thuế tiền tiết kiệm dư dôi của họ. Chính sách này sẽ được duy trì cho đến khi đạt được hiệu quả mong muốn.

(2) *Chính sách tài khóa linh hoạt*: Chính phủ đã đẩy mạnh đầu tư công, tăng cường chi tiêu cho trợ cấp xã hội, trả nợ và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ Olympic 2020. Qua đó, một gói kích thích kinh tế 10 nghìn tỷ JPY (Q1) được đưa ra với mong muốn tạo ra hệ số tác động nhân đôi “tương đương 20 nghìn tỷ JPY về giá trị quy mô dự án” vào tháng 01/2013; đối phó với tác động tăng thuế tiêu dùng từ 5% lên 8% bằng việc sử dụng gói kích thích thứ hai 5,5 tỷ JPY (Q2) vào tháng 12/2013. Bên cạnh đó, Chính phủ tiếp tục củng cố tài khóa thông qua mục tiêu giảm một nửa thâm hụt cơ bản ngân sách vào năm 2015 nhằm sử dụng các gói kích thích kinh tế mới được triển khai không mà không phải phát hành trái phiếu chính phủ.

(3) *Tái cấu trúc nền kinh tế*: Nội dung chính là tập trung cải cách 10 lĩnh vực then chốt: Tăng cường quản trị doanh nghiệp; cải cách quản trị quỹ công lập; khuyến khích doanh nghiệp mạo hiểm; cải cách thuế thu nhập doanh nghiệp; robot; tăng cường sự tham gia và tiến bộ của lao động nữ; sức khỏe và dịch vụ chất lượng cao. Thủ tướng Shinzo Abe mong muốn trong 10 năm tới,

thu nhập bình quân đầu người của Nhật Bản sẽ tăng thêm 1.500.000 JPY (tương đương 15.000 USD) và tăng gấp đôi tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Theo đó, thu hút FDI hàng năm của Nhật Bản phải đạt gần 345 tỷ USD.

Để đạt được mục tiêu trên, ngày 24/6/2014, Chính phủ Nhật Bản công bố chủ trương cắt giảm thuế suất thuế doanh nghiệp xuống dưới 30% trong vài năm tới (thay vì mức 35% hiện hành)¹. Bên cạnh đó là chủ trương robot hóa nền kinh tế để nâng cao năng suất lao động trong bối cảnh dân số bị giảm và già hóa, Nhật Bản hy vọng đến năm 2020, ngành công nghiệp sẽ sử dụng số lượng robot gấp 20 lần so với hiện nay, các ngành còn lại tăng gấp đôi. Ngoài ra, chìa khóa quan trọng của trọng tâm thứ ba này chính là việc tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại tự do khác.

[2] Phiên bản Abenomics 2.0 được bắt đầu từ tháng 10/2015 với 3 trụ cột:

(1) *Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế*: Mục tiêu là GDP đạt 600 nghìn tỷ JPY (5.000 tỷ USD) vào năm 2020, tăng 20% so với con số 490 nghìn tỷ JPY của năm tài khóa 2014.

(2) *Tăng cường các biện pháp hỗ trợ nuôi và sinh con*: Do tình trạng lão hóa và dân số giảm, Thủ tướng Shinzo Abe cam kết hỗ trợ tài chính cho các gia đình và đề ra mục tiêu tăng tỷ lệ sinh bình quân từ 1,4 lên 1,8 trẻ/bà mẹ; đồng thời cam kết duy trì dân số luôn ở mức 100 triệu dân từ nay đến năm 2065.

1 Trên thực tế, đến năm 2016, thuế suất thuế doanh nghiệp tại Nhật Bản đã giảm còn 30,86%.

(3) *Cải thiện an sinh xã hội*: Trong 5 năm tới, Nhật Bản sẽ xây dựng thêm nhiều nhà dưỡng lão để giảm bớt gánh nặng cho lao động trẻ, giúp họ yên tâm làm việc, giảm được hàng chục nghìn lao động phải ở nhà chăm sóc cho cha mẹ già. Đây là sự khác biệt lớn nhất trong chính sách Abenomics giai đoạn 2 so với giai đoạn 1.

Chính sách tài khóa mở rộng được tiếp tục duy trì. Ngày 02/8/2016, Chính phủ Nhật Bản thông qua gói kích thích trị giá 28.100 tỷ JPY (274 tỷ USD) tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội. Ngày 11/10/2016, Nhật Bản phê chuẩn gói kích thích thứ hai trong năm 2016 trị giá hơn 4.000 tỷ JPY (40 tỷ USD) nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, kích cầu đầu tư và tiêu dùng. Ngày 27/3/2017, Thượng viện Nhật Bản thông qua ngân sách cho năm tài khóa 2017 trị giá 97.400 nghìn tỷ JPY (880 tỷ USD). Đây là quy mô ngân sách lớn nhất từ trước đến nay, với mục tiêu tiếp tục tăng chi cho an sinh xã hội, quốc phòng và những lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3. Các thành tựu kinh tế Nhật Bản sau 5 năm (2013 - 2017)

Nhờ kiên trì thực hiện các chính sách kinh tế hợp lý của Chính phủ, cộng với sự nỗ lực từ phía doanh nghiệp, kinh tế Nhật Bản đã có những chuyển biến tích cực, thể hiện qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô ấn tượng.

(1) Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hiệu quả hơn, xuất khẩu tăng. Chỉ số Nikkei 225 tăng 35%, từ 10.688 điểm đầu năm 2013 lên ngưỡng 11.000 điểm, đến phiên giao dịch ngày 20/5/2013 chạm mốc 15.360 điểm, cao nhất trong hơn nửa thập kỷ qua. Tính đến cuối năm 2017, sau 5 năm triển khai Abenomics, chỉ số Nikkei 225 đã tăng hơn 150%. Sang đầu năm 2018, giá cổ phiếu đã lên

đến mức 24.000 JPY, lần đầu tiên trong khoảng 26 năm, cho thấy dấu hiệu thoát khỏi giảm phát càng rõ nét.

Hoạt động của các doanh nghiệp khởi sắc, tỷ lệ lợi nhuận thông thường trong ngành công nghiệp sản xuất tăng từ 4,6% lên 8,9%, trong lĩnh vực phi sản xuất tăng từ 3,7% lên 6%, mức cao kỷ lục. Mức thuế doanh nghiệp đã giảm đáng kể, từ mức 37% của năm 2012 xuống còn 29,97% trong năm 2017. Số vụ phá sản doanh nghiệp cũng đã giảm 30,3% so với năm 2012. Các ngân hàng có dấu hiệu phục hồi khi cổ phiếu ngân hàng tăng lên. Cổ phiếu của Mitsubishi UFJ Financial Group - một trong những tập đoàn tài chính lớn nhất thế giới và một số công ty khác cũng đã tăng đáng kể từ cuối 2016.

Abenomics góp phần quan trọng trong việc hạ giá đồng JPY trên thị trường hối đoái và kích thích xuất khẩu. Đến năm 2017, sau 5 năm thực hiện Abenomics, đồng nội tệ của Nhật Bản đã mất giá khoảng 30% so với tháng 11/2012, góp phần thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ từ mức âm 0,246% trong năm 2011 lên 6,793% trong năm 2017 và ước tính 4,975% trong năm 2018. Xuất khẩu tăng tạo thuận lợi cho đà phục hồi kinh tế đất nước.

(2) Tốc độ tăng trưởng GDP ổn định: Trong quý I/2013, GDP đã tăng trưởng 1,3% so với cùng kỳ năm 2012, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng một năm và đạt 2% trong cả năm 2013. Tính đến hết quý IV/2017, GDP tăng 0,1% so với quý trước (tính theo năm là 0,5%), là quý tăng trưởng thứ 8 liên tiếp của kinh tế Nhật Bản, đưa tốc tăng trưởng cả năm 2017 đạt 1,713% (cao hơn nhiều so với con số âm 0,115% của năm 2011). Tuy quý I/2018 tốc độ tăng GDP giảm 0,2% so với quý trước, song ước tính cả năm 2018, nền kinh tế vẫn tăng trưởng 1,213%.

Nếu xét về quy mô, kinh tế Nhật Bản đã tăng trưởng tích cực sau 5 năm triển khai Abenomics. GDP tăng từ 491.408 nghìn tỷ



JPY (năm 2011) lên 546.848 nghìn tỷ JPY (năm 2017), ước đạt 555.607 tỷ JPY trong năm 2018.

(3) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng. Trong tháng 9/2013, CPI đã tăng 0,7%, mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm, đưa chỉ tiêu này đạt 0,343% trong cả năm 2013, lạm phát thoát khỏi mức tăng trưởng âm lần đầu tiên sau 5 năm. Năm 2017, CPI tăng 0,468% và ước cả năm 2018 tăng 1,115%. CPI tăng là do tiêu dùng cá nhân (chiếm 60% tỷ trọng GDP) tăng và chính sách tăng thuế từ 5 - 8% của Chính phủ.

(4) Tỷ lệ người có việc làm tăng 4,5%, tỷ lệ thất nghiệp giảm từ 4,325% xuống còn 2,875%. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (25 - 29 tuổi) cũng giảm từ 5,7% xuống còn 4,7%. Số lao động toàn thời gian đã tăng 2,8%. Tỷ lệ tuyển dụng tăng từ 0,83 lần lên 1,52 lần, vượt qua giá trị 1 ở tất cả các địa phương lần đầu tiên sau chiến tranh. Tỷ lệ tuyển dụng lao động toàn thời gian cũng tăng lên 1,01 lần, cũng vượt qua được giá trị 1. Tỷ lệ tham gia của người lao động nữ đã tăng từ 63,6% lên 69,5%.

Tuy nhiên, theo đánh giá của các nhà phân tích và chuyên gia kinh tế, bất kỳ một kế hoạch cải cách nào cũng có tác dụng phụ. Theo IMF, chính sách Abenomics đang đối mặt nhiều rủi ro, trong đó có tác động của việc tăng chi tiêu công tới núi nợ khổng lồ, đang lớn gấp đôi quy mô của nền kinh tế Nhật Bản và lạm phát cao hơn có thể đẩy lãi suất tăng cao, từ đó làm tăng chi phí vay mượn.

4. Các khuyến nghị cho Việt Nam

(1) Điều hành chính sách vĩ mô, đặc biệt là chính sách tài khóa - tiền tệ, cần có sự phối hợp chặt chẽ, tạo thế chủ động và linh hoạt, đồng thời đảm bảo an toàn nợ công. Việc điều hành chính sách cần có sự kết hợp hiệu quả giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa với “liều lượng” hợp lý, có tính đến độ trễ của

chính sách để giảm thiểu tác động không mong muốn đến đời sống xã hội và luôn có giải pháp dự phòng.

Trong quá trình tái cơ cấu, cải cách kinh tế, do Việt Nam chưa có được sức mạnh kinh tế như Nhật Bản nên để giảm bớt nợ công, cần cân nhắc việc áp dụng giải pháp nâng thuế, thay vào đó cần quyết liệt thực thi quá trình hoàn thiện hành lang pháp lý về quản lý nợ công, đồng thời cần có các biện pháp hạn chế sự gia tăng nợ công thông qua tăng cường kỷ luật tài khóa; hình thành các cơ chế đảm bảo việc quản lý và sử dụng nguồn vốn vay được thực hiện theo một chiến lược thận trọng. Ngoài ra, từ bài học kinh nghiệm của Nhật Bản, các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cần tính toán, nghiên cứu thực thi một chính sách lãi suất thấp, kiểm soát lạm phát.

(2) Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo công bằng xã hội. Mặc dù Việt Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, các chỉ số kinh tế tăng, nhưng tính bền vững, đặc biệt sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, vẫn còn hạn chế. Thành công bước đầu của Abenomics là do nâng cao được lòng tin của dân vào sự tăng trưởng của kinh tế đất nước, dẫn tới tiêu dùng và đầu tư gia tăng. Bên cạnh đó, nợ công của Nhật Bản ở mức cao, nhưng 90% là nợ trong nước. Việt Nam cần chú trọng tới việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, đảm bảo công bằng và ổn định xã hội. Thông qua các chính sách tiền lương, thu nhập, an sinh xã hội ổn định để tạo sự an toàn, tin tưởng cho người dân. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư, kinh doanh được đảm bảo công bằng, lành mạnh; được sự hỗ trợ từ phía Chính phủ cũng sẽ gia tăng lòng tin từ cộng đồng doanh nghiệp.

(3) Tái cơ cấu kinh tế cần được thực hiện mạnh mẽ, quyết liệt. Chính quyền của Thủ tướng Abe đã khởi động một loạt biện pháp cải cách. Mới đây, Thủ tướng Abe tiếp tục cam kết sẽ tăng

cường theo đuổi chiến lược tăng trưởng thông qua việc thúc đẩy chương trình cải cách, mở rộng thêm số lượng phụ nữ gia nhập lực lượng lao động, bãi bỏ quy định không hợp lý trong ngành công nghiệp, tự do hóa khu vực nông nghiệp và chuẩn bị để thích ứng với Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...

Trong quá trình tái cơ cấu kinh tế cần chú trọng việc phát triển khoa học, công nghệ, Chính phủ cần cam kết sẽ có biện pháp thúc đẩy các lĩnh vực khoa học công nghệ thông qua thành lập trung tâm nghiên cứu đẳng cấp quốc tế để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong các ngành công nghệ cao, sử dụng ít tài nguyên và theo kịp xu hướng phát triển của thế giới; quan tâm đầu tư cho giáo dục, phát triển đội ngũ lao động có chất lượng cao, lấy chất lượng, hiệu quả lao động là thước đo để đánh giá và trả lương cho người lao động. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần tích cực tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế thế giới bằng việc tiếp tục tham gia CPTPP và các hiệp định thương mại tự do khác với các quốc gia và khu vực trên thế giới.

Trần Thị Hà

Tài liệu tham khảo

- 1 Hoàng Thị Phương Lan (2014), *Nhìn lại kết quả thực hiện chính sách Abenomics của Nhật Bản*.
- 2 Đỗ Thị Ánh (2018), *Những thành tựu của nền kinh tế Nhật Bản sau 5 năm thực hiện chính sách Abenomics*.
- 3 Phạm Quý Long, (2017), *Cải cách Abenomics ở Nhật Bản*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.